

VỀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN ĐỀN THÁP CHĂMPA

NGUYỄN MINH KHANG*

1. Yếu tố nội sinh

- Địa bàn cư trú của người Chăm trong lịch sử là dải đất thuộc miền Trung Việt Nam, từ khoảng phía Bắc tỉnh Quảng Bình đến phía Nam tỉnh Bình Thuận. Về cơ bản, trên dải đất này có ba loại địa hình chính: vùng đồng bằng ven biển, cửa sông, vùng núi và vùng cao nguyên. Nơi tập trung dân cư chủ yếu là vùng ven biển, cửa sông, với những khoảng đồng bằng nhỏ hẹp nằm kẹp giữa những dãy núi chạy dài, nối từ dãy Trường Sơn ở phía Tây ra đến tận bờ biển Đông.

Có thể dễ dàng nhận thấy 5 tiểu vùng địa lý trên đất Chăm-pa xưa, cụ thể là:

+ Tiểu vùng 1: xưa kia gồm các châu Địa Lý, Bố Chính, Ma Linh. Đây cũng là châu Ô, châu Lý mà quốc vương Chăm-pa (Chế Mân) trao cho vua Trần Anh Tông làm lễ dẫn cưới công chúa Huyền Trân năm 1306. Bia ký và thư tịch cổ Chăm-pa xác nhận, vùng này là Indrapura, nay gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

+ Tiểu vùng 2: nay là Quảng Nam, Quảng Ngãi, bia ký và thư tịch cổ Chăm-pa ghi là Amaravati. Vùng này nổi tiếng là một trung tâm chính trị, văn hóa, nghệ thuật của Chăm-pa qua nhiều thời kỳ lịch sử, với những địa danh như Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Đồng Dương và các nhóm đền tháp khác còn khá nguyên vẹn.

+ Tiểu vùng 3: nay là Bình Định và Phú Yên,

bia ký và thư tịch cổ Chăm-pa ghi là Vijaya, nổi tiếng với Thành Hồ ở Phú Yên, thành Đồ Bàn (hay Chà Bàn, Phật Thệ) ở Bình Định, là kinh đô của Chăm-pa vào giai đoạn thế kỷ XI - XV.

+ Tiểu vùng 4: nay là Khánh Hòa, bia ký và thư tịch cổ Chăm-pa ghi là Kauthara, với nhóm đền tháp Po Nagar ở Nha Trang, có núi Đá Bia cao 705m so với mực nước biển, nơi chứng kiến một trang sử sôi động trong quan hệ Chăm-pa - Đại Việt vào năm 1471.

+ Tiểu vùng 5: nay là Ninh Thuận, Bình Thuận, bia ký và thư tịch cổ ghi là Panduranga, trong vùng này có những di tích Chăm-pa vừa thuộc loại cổ xưa nhất, như nhóm đền tháp Phú Hải (cuối thế kỷ VIII) vừa thuộc loại muộn nhất, như đền tháp Po Rome (thế kỷ XVII) và đặc biệt có tháp Po Klaung Garai (thế kỷ XIII - XIV) thờ vua Po Klaung Garai, tức Jaya Simhavarman III, sử sách Việt Nam gọi là Chế Mân, người đã cho xây tháp Yang Prong (Đắc Lắc) và là chồng của Huyền Trân công chúa thời Trần.

Có sự phân vùng địa lý như trên là do từ Bắc Quảng Bình cho tới Bình Thuận có nhiều sông đèo ngăn cách như: sông Gianh, sông Đà Rằng, đèo Ngang, đèo Hải Vân, đèo Cù Mông, đèo Cả... Những địa hình sông núi đặc trưng này tạo cho mỗi tiểu vùng đều có những cửa biển hoặc vịnh thuận lợi cho giao thương và quân sự. Vì thế, các thủ lĩnh địa phương chiếm giữ các tiểu vùng đều ra sức sử dụng lợi thế về địa hình và tập hợp sức mạnh cho riêng mình

* CỤC DI SẢN VĂN HÓA

để thiết lập những tiểu quốc. Cùng một thời điểm lịch sử mà mỗi tiểu quốc có một vị quốc chủ, đồng thời mỗi quốc chủ lại ra sức xây dựng đền tháp để thờ các vị thần chủ của mình. Điều này cho thấy, trong lịch sử Chăm-pa đã có rất nhiều đền tháp được xây dựng cùng khoảng niên đại nhưng ở những địa điểm khác nhau, tạo nên sự phong phú đa dạng về kiến trúc-nghệ thuật.

Mặt khác, các trung tâm chính trị của Chăm-pa trong lịch sử được dời đổi nhiều nơi. Đây thực chất là sự lên ngôi của các vua Chăm-pa sau sự thần phục của các quốc chủ nhỏ, dựa trên một mẫu số chung là tôn giáo. Kinh đô đầu tiên của Chăm-pa là Simhapura (Thành phố sư tử) ở bờ Nam sông Thu Bồn (Duy Xuyên, Quảng Nam). Nền văn hoá thời kỳ Simhapura được biểu trưng bằng những đền đài ở Trà Kiệu và Mỹ Sơn. Từ cuối thế kỷ VIII đến cuối thế kỷ IX, vương triều Panduranga của Hoàn Vương dựng đô ở Virapura. Các đời vua (vương triều Hoàn Vương) lúc này đã xây dựng nhiều đền tháp để biểu trưng cho quyền uy và sự lớn mạnh của Panduranga. Những thế kỷ tiếp sau, kinh đô của Chăm-pa lại được chuyển về Vijaya (Bình Định) và Chăm-pa tồn tại như một quốc gia độc lập cho đến cuối thế kỷ XV.

Tất cả đặc điểm địa hình nêu trên, với các tiểu vùng và thể loại địa hình khác nhau, đã góp phần tạo nên sắc thái văn hóa Chăm-pa và đặc điểm kiến trúc đền tháp. Ví dụ như việc xây dựng đền tháp trên núi cao, mà sau này chúng ta sẽ còn phân tích sự gặp gỡ giữa điều kiện địa hình và triết lý dựng đền- đền thờ Ấn Độ giáo. Hay những đền tháp trên những mỏm núi ven biển vừa mang tinh thần tôn giáo vừa đóng vai trò như những điểm mốc ở ven bờ mang tính định hướng cho những người Chăm vốn rất thạo nghề đi biển. Theo mặt cắt ngang địa hình từ núi ra đến biển (từ Tây sang Đông), có một đặc điểm được nhận thấy rõ rệt trong quy hoạch phân bố đền tháp Chăm-pa, mà các nhà nghiên cứu đã tổng kết, đó là cấu trúc: Núi (đền tháp)- Thành lũy (đền tháp) - Biển (cảng thị) được liên kết bởi hệ thống sông ngòi (với các đền tháp ven sông).

- Nhiều tài liệu nghiên cứu chỉ ra rằng, vào năm 192 sau Công nguyên (niên hiệu Sơ Bình năm thứ 3, đời vua Hiến Đế nhà Hán), một số

bộ tộc người Chăm sống trong vùng mà ngày nay thuộc địa phận Thừa Thiên Huế đã nổi dậy chống lại ách đô hộ của nhà Hán để lập nên một vương quốc độc lập mang tên Lin- Yi (Lâm Ấp). Họ mở rộng dần lãnh thổ về phía Bắc và đặc biệt là phía Nam- nơi đã có những tiểu vương quốc chịu ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ¹...

Nhà nước của người Chăm được hình thành trên cơ sở sáp nhập các tiểu quốc ở các tiểu vùng khác nhau. Trong đó, các tiểu quốc phía Nam có vai trò chuyển tiếp những ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ, họ thống nhất bằng một tâm thức chung là tôn giáo. Trên thực tế, cho đến đầu thế kỷ IV, các tiểu quốc đã có lúc trở thành một vương quốc thống nhất². Và, cho đến thế kỷ VII thì địa bàn Chăm-pa (Lâm Ấp) đã bao gồm các vùng nay là từ Thừa Thiên Huế đến Ninh Thuận, Bình Thuận.

Những người đứng đầu Nhà nước Chăm-pa tổ chức xã hội và chính quyền theo khuôn mẫu Ấn Độ. Họ đã thu nhận hầu hết các thành tựu của nền văn minh Ấn Độ như: chữ viết, hệ thống luật pháp, hệ thống chính trị, văn học và nghệ thuật, kiến trúc và điêu khắc... để rồi thiết lập một xã hội có phân chia đẳng cấp và có tôn giáo phục vụ mục đích củng cố vương quyền. Theo các nhà nghiên cứu, tính vương quyền là đặc trưng cơ bản nhất của quá trình du nhập văn hoá Ấn Độ vào Chăm-pa³. Từ đặc trưng này có thể nhận thấy, để phục vụ hiệu quả cho tầng lớp đứng đầu Nhà nước, các công trình kiến trúc quy mô lớn phải được xây dựng như công trình kiến trúc cung đình, kiến trúc quân sự quốc phòng, đặc biệt là phải xây dựng các cơ sở tôn giáo. Đó cũng là nguyên nhân xuất hiện các đền tháp Chăm-pa, nó xuất phát từ nhu cầu thực tế về tôn giáo, từ sự biểu hiện quyền uy của triều đình và các đền tháp đã được chỉ đạo xây dựng theo tinh thần của đền tháp Ấn Độ giáo.

Có thể nói, sự hình thành tổ chức Nhà nước Chăm-pa theo khuôn mẫu Ấn Độ là một trong những nhân tố quan trọng hình thành kiến trúc đền tháp Chăm-pa. Cũng có thể nhận thấy, ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đến sự hình thành đặc trưng kiến trúc đền tháp Chăm-pa ở nhiều khía cạnh khác nhau. Các đặc trưng kiến trúc nghệ thuật thấm đậm tinh thần Ấn Độ giáo được biểu hiện qua mô hình kiến trúc, cấu trúc

mặt bằng, cấu trúc mặt đứng, cấu trúc lòng các đền tháp và nghệ thuật trang trí.

- Người Chăm cũng như các tộc người khác ở Đông Nam Á, trước khi chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ thì đã có một nền văn minh riêng⁴. Họ cũng đã rất giỏi về canh tác nông nghiệp, trồng dâu, dệt vải, có kỹ thuật nấu cát làm thủy tinh...⁵. Những đặc trưng cơ bản về vật chất, xã hội và tôn giáo của nền văn minh Đông Nam Á, trong đó có người Chăm, đã được Coedès tóm tắt trong bài viết "Các nhà nước Hinđú hoá ở Đông Dương và Ấnônêxia"⁶. Cụ thể, các đặc trưng này bao gồm: về mặt vật chất: trồng lúa nước, thuần dưỡng trâu bò, sử dụng kim loại thô sơ, có kỹ năng đi biển; về mặt xã hội: coi trọng phụ nữ và dòng dõi mẫu hệ, tổ chức xã hội theo chế độ canh tác lúa nước, mang tính thời vụ; về mặt tôn giáo: theo thuyết vật linh, thờ cúng tổ tiên và thần đất, đặt đền thờ ở những nơi có địa thế cao, mai táng người đã khuất trong chum/vại hoặc quách đá, thần thoại thấm nhuần thuyết nhị nguyên về vũ trụ, gồm hai mặt đối nhau như núi- biển, sinh vật có cánh- sinh vật dưới nước, người miền núi- người duyên hải...

Thông qua những đặc trưng về tôn giáo, chúng ta có thể biết cư dân Chămpa từ xa xưa đã có các cơ sở tín ngưỡng ban đầu của họ. Những cơ sở tín ngưỡng ban đầu này, ngoại trừ nơi thờ cúng tổ tiên trong nhà ở, có thể là tiền thân của những ngôi đền xây dựng theo tinh thần Ấn Độ giáo sau này. Theo chúng tôi, các đền tháp mang tinh thần Ấn Độ giáo được chấp nhận, hình thành và phát triển mạnh mẽ ở Chămpa, cũng như tôn giáo Ấn Độ ăn sâu và lan rộng nhanh chóng trong xã hội Chămpa thời kỳ hình thành Nhà nước sau này, cũng có một phần do sự tương đồng về văn hoá của hai dân tộc. Có thể cung cấp những bằng chứng như sau:

Một là, việc đặt đền thờ ở nơi có địa thế cao phù hợp với vũ trụ luận Ấn Độ giáo: các vị thần ngự ở trung tâm thế giới trên đỉnh núi Meru;

Hai là, thuyết nhị nguyên về vũ trụ, với yếu tố biển thể hiện qua tục thờ cá Ông (cá Voi, được coi như thần sóng biển') của người Chăm gắn gũi với thần thoại Ấn Độ về bầy đại dương, đối lập với nó là bầy dãy núi bao bọc chân núi Meru⁸;

Ba là, thuyết vật linh và tục thờ cúng thần



Apsaras Trà Kiệu - Nguồn: Tác giả

đất được tượng trưng bằng những hòn đá dựng đứng. Theo Georges Maspero thì việc người Chăm tôn thờ thần Siva và sùng bái Linga vào khoảng cuối thế kỷ VIII đến giữa thế kỷ IX chính là việc áp dụng tục tôn thờ bản địa cổ xưa về những hòn đá dựng đứng tượng trưng cho thần đất⁹. Henri Parmentier, trong tập I của IC¹⁰, đã nhắc đến một chậu tắm tượng (như Yoni) và một Linga bên cạnh những vật thờ bằng đá, kể cả những viên cuội nhỏ được tôn kính như những vị thần trong một ngôi chùa Việt trên cánh đồng Hoà Lai (Ninh Thuận). Theo ông, tất cả có thể đã từng nằm trong một Bàmun (điện thờ bằng vật liệu nhẹ) của người Chăm¹¹. Theo nghiên cứu của Sakaya (Văn Món) thì đa số người Chăm ở Ninh Thuận ngày nay vẫn còn lưu giữ tục thờ đá thô sơ đặt ngoài trời. Đặc biệt, các thần đá còn thường được đặt ở trên núi cao, trong các ngôi đền như đền Po Inư Nagar (Bình Nghĩa) và trong nhóm đền tháp Po Klaung Garai (Phan Rang- Tháp Chàm)¹²... Việc phục dựng bàn thờ đá tại nhóm đền tháp Po Nagar (Khánh Hòa) trong những năm gần đây, có lẽ cũng vì ý nghĩa phục hồi tục thờ bản địa cổ xưa này của người Chăm.

Những nơi thờ tự ban đầu của người Chăm thường lộ thiên, hoặc được làm bằng vật liệu nhẹ, với kết cấu tre, gỗ, mái lợp lá. Một công trình như vậy phải được dựng bằng tối thiểu hai cột, thông thường là bốn cột, bản thân nó đã hình thành một mặt bằng ước lệ hình chữ nhật hoặc vuông. Đó cũng là cơ sở đầu tiên hình thành nền của một công trình kiến trúc. Qua quá trình phát triển kinh tế, xã hội và kỹ thuật, phần nền của công trình được bó vữa hoặc xây dựng hoàn chỉnh bằng các vật liệu bền vững hơn, có thể là vật liệu khai thác từ thiên nhiên như các loại đá, có thể là các vật liệu chế tạo như gạch, ngói... Những ngôi đền được xây cất bằng gạch đầu tiên của người Chăm còn đến nay như: đền Mỹ Khánh/Phú Diên (Thừa Thiên Huế), đền Mỹ Sơn E1 (Quảng Nam) đều có nền và tường gạch thấp, lợp mái nhẹ, ở bốn góc có các chân tảng kê cột đã minh chứng cho điều này.

Có thể cho rằng, những cơ sở tín ngưỡng nguyên thủy của người Chăm là tiền thân của những đền tháp. Và như vậy, một trong những nhân tố tác động đến sự hình thành các đền

tháp Chăm là các cơ sở tín ngưỡng nguyên thủy của họ.

- Tính bản địa của văn hoá Chăm là một trong những nhân tố rất quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển kiến trúc đền tháp Chăm. Hầu hết các nhà nghiên cứu đều đồng thuận rằng, người Chăm nối tiếp sự phát triển của cư dân thuộc nền văn hoá Sa Huỳnh¹³... Như vậy có nghĩa là, văn hoá Chăm có nguồn gốc bản địa, đó là không gian văn hoá Sa Huỳnh ở miền Trung Việt Nam. Và, văn hoá Chăm phát triển, đạt được thành tựu to lớn từ khi bắt đầu hình thành Nhà nước, chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ. Có thể nói, tính bản địa và các yếu tố du nhập luôn luôn tồn tại trong thực thể Chăm như hai mặt của một vấn đề thống nhất. Đây cũng là những yếu tố cộng sinh ở nhiều dạng thức văn hoá Chăm. Xét trên góc độ kiến trúc nghệ thuật, đặc biệt là khía cạnh nguồn gốc văn hoá của kiến trúc, có thể dễ dàng nhận thấy những yếu tố bản địa đan xen, kết hợp với những yếu tố văn hoá du nhập (từ Ấn Độ) để hình thành các đặc điểm kiến trúc nghệ thuật qua những ví dụ dưới đây:

+ Các đền tháp được xây dựng bằng vật liệu địa phương là gạch làm từ đất sét khai thác ở những địa điểm không xa nơi xây dựng công trình. Địa bàn cư trú của người Chăm không có được những mỏ đá cát kết như ở Campuchia, nhưng lại có các đồi Laterit tự nhiên và nguồn đất sét dồi dào. Chính vì vậy, quy mô của các đền tháp Chăm không quá đồ sộ, hoành tráng mà thông thường có khối tích vừa phải, nhỏ gọn.

+ Về mặt điêu khắc, đi đôi với quy mô kiến trúc không quá hùng vĩ, điêu khắc trên các đền tháp Chăm thường mang tính biểu tượng, thể hiện hình tượng thần linh, ít có điêu khắc diễn kể tích truyện như ở Angkor Wat (Campuchia) hay ở Borobudur (Indonexia). Đây có thể chính là ý đồ của các vua Chăm, điêu khắc hình tượng thần linh để phụng sự cho vương quyền, đồng nhất vương quyền với thần quyền. Ngoài ra, hiện tượng này, có thể cũng biểu hiện một hình thức cao hơn của việc thờ cúng tổ tiên. Và như vậy, việc hình thành các đền tháp với chức năng thờ các vua Chăm như Po Klaung Garai, Po Rome mang đậm bản sắc, hay tính bản địa của văn hoá Chăm.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh (1985), *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H, tr. 17; Po Dharma (1999), "Góp phần tìm hiểu lịch sử Champa", *TC Champaka số 1*, tr. 9- 37, California.
- 2- Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh (1985), *Sđđ*, tr. 210.
- 3- Lưu Trần Tiêu, Ngô Văn Doanh, Nguyễn Quốc Hùng (2000), *Giữ gìn những kiệt tác kiến trúc trong nền văn hoá Chăm*, Nxb. Văn hoá Dân tộc, H, tr. 38.
- 4- D. G. E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, tr. 27.
- 5- Lưu Trần Tiêu, Ngô Văn Doanh, Nguyễn Quốc Hùng (2000), *Sđđ*, tr. 33.
- 6- Cœdès. George (1948), "Les Etats hindouisés d'Indochine et d'Indonésie", *Histoire du Monde tome VIII*, Paris, tr. 25- 26.
- 7- Nguyễn Thanh Lợi (2003), "Giao lưu văn hoá Việt- Chăm, nhìn từ tục thờ cá Ông", *TC Văn hoá dân gian số 2(86)/2003*, tr. 24- 27, H, tr. 24.
- 8- Xem thêm Trần Kỳ Phương-Shigeeda Yutaka (2002), "Phế tích Champa Khảo luận về kiến trúc đền - tháp", *TC Nghiên cứu và Phát triển số 1(35)/2002*, tr. 75- 88, Huế.
- 9- D. G. E. Hall (1997), *Sđđ*, tr. 294.
- 10- *Inventaire Descriptif des monuments Cams de L'Annam*.
- 11- Theo H. Parmentier.
- 12- Tham khảo thêm Sakaya (Văn Món) (2003), "Loại hình tôn giáo nguyên thủy trong lễ hội Chăm", *TC Nghiên cứu tôn giáo số 1 (19)/2003*, tr. 55- 59, H.
- 13- Có thể tìm hiểu qua các tài liệu sau: Phan Xuân Biên (1993), "Văn hoá Chăm- Những yếu tố bản địa và bản địa hoá", *TC Dân tộc học số 1 (77)/1993*, tr. 7- 12, H; Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp (1991), *Văn hoá Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Tp. Hồ Chí Minh; Trần Quốc Vượng (1995), "Miền Trung Việt Nam và văn hoá Chămpa (Một cái nhìn địa- văn hoá)", *TC Nghiên cứu Đông Nam Á số 4 (21)/1995*, tr. 8- 24, H.

Tính bản địa còn được thấy trong điêu khắc, qua hình ảnh của các Apsara. Apsara Chămpa được thể hiện chân thực và gắn gũi với đặc tính nhân chủng và hình ảnh người phụ nữ Chăm tươi tắn, tràn đầy sức sống nhưng thắm kín và quyến rũ.

+ Một yếu tố đặc biệt nữa thể hiện trong điêu khắc là sự tôn sùng Bà Mẹ Xứ sở, lưu ảnh của truyền thống mẫu hệ ở Chămpa và cũng là biểu hiện yếu tố âm (yếu tố nước của cư dân nông nghiệp), đối lập với nó là yếu tố dương (đồi núi). Điều này biểu hiện rõ rệt thuyết nhị nguyên về vũ trụ của người Chăm, cũng như sự tôn sùng thần lực Siva dưới dạng thức âm tính của thần...

(Kỳ sau đăng tiếp...)

N.M.K



Tượng Po nagar - Nguồn: Tác giả